

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách
Năm 2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON THỊ TRẦN NAM SÁCH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 3111/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Nam Sách về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai ngân sách của trường mầm non thị trấn Nam Sách năm 2024 (theo biểu số 02 đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Kế toán nhà trường và cán bộ, nhân viên có liên quan, căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng Tài chính-Kế hoạch;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Thị trấn Nam Sách, ngày 01 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO
Công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2024

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Nam Sách

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 23/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Trường mầm non thị trấn Nam Sách báo cáo công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 như sau:

I. Công khai dự toán thu, chi NSNN năm 2024:

1. Nguồn thu học phí:

- Tổng thu: 532.377.000 đồng
- Tổng chi: 319.426.000 đồng, trong đó dự toán:
 - + Chi thanh toán cá nhân: 41.949.000 đồng
 - + Chi hàng hóa, dịch vụ: 254.806.000 đồng
 - + Chi khác: 22.671.000 đồng

2. Chi từ nguồn ngân sách nhà nước cấp:

2.1. Nguồn kinh phí thực hiện tự chủ:

- Tổng KP giao đầu năm: 7.304.965.000 đồng
- Tổng chi: 7.304.965.000 đồng, trong đó:
 - + Chi thanh toán cá nhân: 6.597.713.400 đồng
 - + Chi hàng hóa, dịch vụ: 633.929.600 đồng
 - + Chi khác: 73.322.000 đồng

2.2. Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ:

- Tổng KP giao đầu năm: 37.440.000 đồng
- Tổng chi: 37.440.000 đồng, trong đó:
 - + Chi thanh toán cá nhân: 15.550.000 đồng
 - + Chi khác: 5.250.000 đồng

(có biểu số 02-TT90/2018 kèm theo)

II. Hình thức thực hiện công khai:

Công khai tại cuộc họp hội đồng sư phạm nhà trường ngày 02/01/2023 và đăng tải trên cổng thông tin điện tử địa chỉ: <http://ns-mnttnamsach.haiduong.edu.vn>

III. Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện công khai: Không có.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu đơn vị

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Mỹ

Đvt: Đồng

| Số TT | Nội dung | Dự toán được giao |
|------------|--|----------------------|
| 1 | 2 | 3 |
| A | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | |
| I | Số thu phí, lệ phí | 532.377.000 |
| 1 | Lệ phí | 532.377.000 |
| 1.1 | - Học phí | 532.377.000 |
| 2 | Phí | |
| II | Chi từ nguồn thu phí được để lại | 532.377.000 |
| 1 | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo | 532.377.000 |
| a | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | 532.377.000 |
| b | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | |
| 2 | Chi quản lý hành chính | |
| III | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước | |
| B | Dự toán chi ngân sách nhà nước | 7.342.405.000 |
| I | Nguồn ngân sách trong nước | 7.342.405.000 |
| 1 | Chi quản lý hành chính | |
| 2 | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ | |
| 3 | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề | 7.342.405.000 |
| 3.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | 7.304.965.000 |
| 3.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | 37.440.000 |
| 4 | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình | |
| 5 | Chi bảo đảm xã hội | |
| 6 | Chi hoạt động kinh tế | |
| 7 | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường | |

| | | |
|-----|--|--|
| 8 | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin | |
| 9 | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn | |
| 10 | Chi sự nghiệp thể dục thể thao | |
| II | Nguồn vốn viện trợ | |
| 1 | Chi quản lý hành chính | |
| 2 | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ | |
| 3 | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề | |
| 4 | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình | |
| 5 | Chi bảo đảm xã hội | |
| 6 | Chi hoạt động kinh tế | |
| 7 | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường | |
| 8 | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin | |
| 9 | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn | |
| 10 | Chi sự nghiệp thể dục thể thao | |
| III | Nguồn vay nợ nước ngoài | |
| 1 | Chi quản lý hành chính | |
| 2 | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ | |
| 3 | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề | |
| 4 | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình | |
| 5 | Chi bảo đảm xã hội | |
| 6 | Chi hoạt động kinh tế | |
| 7 | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường | |
| 8 | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin | |
| 9 | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn | |
| 10 | Chi sự nghiệp thể dục thể thao | |